

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN TÂY THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC TÀI SẢN LÀ NHÀ, ĐẤT

(Kèm theo Báo cáo số 82/BC- UBND ngày 29/8/2025 của UBND xã Sơn Tây Thượng)

ST T	Tên tài sản/địa chỉ	Số lượng	Diện tích (m2)			Giá trị quyền sử dụng đất (triệu đồng)	Nguyên giá theo sổ kế toán (triệu đồng) (tài sản gắn)	Giá trị còn lại theo sổ kế toán (nghìn đồng) (tài sản gắn)	Ghi chú
			Đất	Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng				
I	2	3	4,00	5,00	6,00		7	8	9
I	Văn Phòng HĐND –UBND huyện								
1	Nhà công vụ UBND	1	3.024,50	336,14	672,28		5.735,368	3.441,22	Giao cho Văn phòng HDND&UBND xã quản lý và sử dụng
2	Nhà làm việc đơn vị hành chính	1	1.110,00				7.442,258	5.358,658	
3	Trụ Sở làm việc của UBND huyện Sơn Tây			1.110,00	1.110,00		24.737,000	24.737,000	
II	Văn Phòng Huyện ủy								

1	Nhà làm việc huyện ủy	1			1.162,00	600.000	14.305,00	10,300	Giao cho Văn phòng Đảng ủy xã quản lý và sử dụng
III	Phòng TC-KH huyện								
	Nhà làm việc Phòng Tài chính – Kế hoạch	1	1.600,00	237,00	468,00		3.966,710	1.056,334	Giao cho Văn phòng HDND&UBND xã quản lý và sử dụng
IV	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện								
1	Nhà làm việc	1	2.198,00	364,00	678,00		2.157,920	1.006,454	Giao cho Trung tâm Cung ứng dịch vụ công quản lý và sử dụng
2	Nhà làm việc (Trung tâm bảo vệ thực vật cũ)	1		110,00	220,00		16.483,26	8.787,23	
V	UBND xã Sơn Mùa								
1	Trụ sở UBND xã	1	1.528,80	376,20	376,20		984,800	984,800	Giao cho Mặt trận xã quản lý sử dụng
2	Nhà làm việc Hội đoàn thể	1		125,84	125,84		150,000	150,000	
3	Nhà làm việc địa chính và Tư pháp	1		93,43	93,43		200,000	200,000	
4	Nhà làm việc công an xã	1	289,80	89,25	89,25		923,000	368,923	
5	Đài truyền thanh xã	1		81,74	81,74		1.100,000	439,670	
6	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã	1	594,00	242,00	242,00		1.960,000	391,216	
VI	UBND xã Sơn Liên								
1	Nhà Số 1 (Nhà công vụ)	1	4.320,00	162,00	162,00				Dự kiến giao cho Trường Mầm non Sông Rin quản lý sử dụng
2	Trụ sở làm việc UBND xã	1		465,00	465,00		3.651,175	241,707	
3	Đài truyền thanh xã	1		82,00	82,00		1.099,277	571,986	
VII	UBND xã Sơn Bua								
1	Nhà làm việc	1	1.428,10	128,00	128,00		220,984		Dự kiến giao cho Trường Mầm non Tu K Pan quản lý sử dụng
2	Nhà làm việc trụ sở UBND xã	1	2.131,50	1.827,80	1.827,80	199.920	1.633,341	1.415,453	
3	Đài truyền thanh	1		91,20	91,20		990,733	858,569	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN TÂY THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC TÀI SẢN LÀ XE ÔTÔ

(Kèm theo Báo cáo số 82/BC-UBND ngày 29/8/2025 của UBND xã Sơn Tây Thượng)

TT	Tên tài sản/BSKS	Số lượng	Nguyên giá theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Giá trị còn lại theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Ghi chú
1	Xe ô tô TOYOTA FORTUNER (76B-00681)	1	1.365.000	1.237.955	Giao cho Văn phòng Đảng ủy xã quản lý và sử dụng
2	1- Xe ô tô tải chở rác (76B-0960)	1	352.544	0	Xe không còn sử dụng giao cho Phòng Kinh tế làm thủ tục thanh lý
3	2- Xe ô tô bán tải (xe tuyên truyền, lưu động, 76B - 0712)	1	645.700	0	Giao cho Trung tâm Cung ứng dịch vụ công quản lý và sử dụng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN TÂY THƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC (TRANG THIẾT BỊ)
(Kèm theo Báo cáo số 82/BC-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025)

Phụ lục số 03

STT	Tên tài sản	Số lượng	Nguyên giá theo sổ kế toán (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ kế toán (đồng)	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
I	UBND xã Sơn Tây Thượng				
1	Văn phòng HĐND và UBND xã				
	Máy tính xách tay	1	14.950.000	11.968.000	Nhận từ Văn phòng Huyện ủy (cũ) đang sử dụng
	Máy tính để bàn (bộ)	2	25.500.000	0	Nhận từ Phòng Nội vụ (cũ)
	Máy tính để bàn (bộ)	1	15.000.000	0	Nhận từ Văn phòng HĐND&UBND huyện (cũ)
	Máy tính xách tay	1	14.950.000	8.970.000	Nhận từ Phòng Nội vụ huyện (cũ)
	Máy tính xách tay	1	14.960.000	11.968.000	Nhận từ Văn phòng HĐND&UBND huyện (cũ)
	Máy tính xách tay	1	14.960.000	11.968.000	Phục vụ Hội nghị tại Hội trường số 1 nhận Văn phòng HĐND&UBND huyện (cũ)
	Máy tính để bàn (bộ)	1	15.000.000	3.000.000	Nhận từ Phòng Văn hóa huyện (cũ)
	Máy tính để bàn (bộ)	1	15.000.000	0	Nhận từ Phòng Văn hóa huyện (cũ)
2	Phòng Kinh tế				
	Máy tính xách tay	1	15.000.000	3.000.000	Nhận từ Phòng Tài chính - Kế hoạch (cũ)
3	Phòng Văn hóa - xã hội				
	Máy tính xách tay	1	15.000.000	6.000.000	Nhận từ Phòng Y tế (cũ)
	Máy tính xách tay	1	15.000.000	7.000.000	Nhận từ UBND xã Sơn Mâu (cũ)
	Máy tính xách tay	1	14.950.000	8.970.000	Nhận từ Văn phòng HĐND và UBND huyện (cũ)
	Máy tính để bàn	3	45.000.000	0	Nhận từ UBND xã Sơn Liên (cũ)
4	Trung Tâm phục vụ Hành chính công				
	Máy tính để bàn (bộ)	9	143.100.000	114.480.000	Nhận nguyên trạng từ Văn phòng HĐND&UBND huyện (cũ)

	Máy tính xách tay	1	14.950.000	8.970.000	Nhận từ Phòng TC-KH huyện (cũ)
5	Trung tâm Cung ứng dịch vụ				
	Máy tính xách tay	1	15.000.000	9.000.000	Nhận từ TTTT Văn hóa thể thao (cũ)
	Máy tính xách tay	1	15.000.000	9.000.000	Nhận từ TTDV nông nghiệp huyện (cũ)
II	Mặt Trận				
	Máy tính xách tay	1	15.000.000	0	Nhận từ Phòng Dân tộc huyện (cũ)
	Máy tính xách tay	1	14.950.000	8.970.000	Nhận từ Phòng Dân tộc huyện (cũ)
	Máy tính để bàn (bộ)	3	45.000.000	0	Nhận từ UBND xã Sơn Mùa (cũ)
III	Đảng ủy xã				
1	Văn Phòng Đảng ủy				
	Máy tính xách tay	1	14.960.000	11.968.000	Nhận từ Văn phòng HĐND&UBND huyện (cũ)
	Máy tính xách tay	1	14.960.000	11.968.000	Nhận từ UBND xã Sơn Mùa
	Máy tính xách tay	1	14.960.000	11.968.000	Nhận từ UBND xã Sơn Dung
	Máy tính xách tay	1	14.960.000	11.968.000	Nhận từ UBND xã Sơn Mầu
	Máy tính xách tay	1	14.960.000	11.968.000	Nhận từ Văn phòng Huyện ủy (cũ)
	Máy tính xách tay	1	14.960.000	11.968.000	Nhận từ Văn phòng Huyện ủy (cũ)
	Máy tính xách tay	1	14.960.000	11.968.000	Nhận từ Văn phòng Huyện ủy (cũ)
	Máy tính xách tay	1	14.960.000	11.968.000	Nhận từ Văn phòng Huyện ủy (cũ)
	Máy tính để bàn (bộ)	4	60.000.000	0	Nhận từ Văn phòng Huyện ủy (cũ)
2	Ủy Ban Kiểm tra				
	Máy tính xách tay	1	15.000.000	3.000.000	Nhận từ Văn phòng HĐND&UBND huyện (cũ)
	Máy tính xách tay	1	14.960.000	11.968.000	Nhận từ Văn phòng HĐND&UBND huyện (cũ)
3	Ban Xây dựng Đảng				
	Máy tính xách tay	1	14.950.000	11.968.000	Nhận từ Văn phòng huyện ủy (cũ)
	Máy tính xách tay	1	14.950.000	11.968.000	Nhận từ Văn phòng huyện ủy (cũ)
	Máy tính để bàn (bộ)	2	30.000.000	0	Nhận từ Văn phòng huyện ủy (cũ)

PHỤ LỤC 04
TÌNH HÌNH XỬ LÝ, ĐIỀU CHUYỂN TÀI SẢN
(Kèm theo Báo cáo số: 82/BC-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025)

STT	Tên tài sản	Đã Điều chuyển	Đã thanh lý	Giá trị thu được (nếu có)	Vướng mắc (nếu có)
1	2	3	4	5	6
1	Trụ sở làm việc	18	0	0	
2	Đất ở (diện tích m2)	18.224,70	0	0	
3	xe Ôtô	3	0	0	
4	Trang thiết bị văn phòng	51			
5	Nhà công vụ	2			
6	Khác	3	0	0	

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN
CÔNG

(Kèm theo Báo cáo số: 82/BC-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025)

STT	Loại văn bản	Thời điểm ban hành	Cơ quan/tổ chức ban hành	tóm lược nội dung	ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Văn Bản của Đảng				
2	Văn bản của Quốc Hội				
3	Văn bản của Chính phủ				
4	Văn bản của Bộ, ngành				
5	Văn bản của địa phương				

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC TÀI SẢN HIỆN CÓ TRƯỚC VÀ SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Báo cáo số: 82/BC-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025)

STT	Tên tài sản	Số lượng trước sắp xếp	Giá trị (triệu đồng)	Số Lượng Sau sắp xếp	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1	Trụ sở làm việc	18	82.005.458,00	18	
2	Đất ở (diện tích m2)	18.224,70	799,92	18.224,70	
3	xe Ôtô	3	2.363,24	3	
4	Trang thiết bị văn phòng	51	767.810,00	51	
5	Nhà công vụ	2	5.735,37	2	
6	Khác	0	-	0	

PHỤ LỤC 03
TÀI SẢN DƯỚI DƯ SẮP XẾP
(Kèm theo Báo cáo số: 82/BC-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025)

STT	Tên tài sản	Giá trị còn lại (triệu đồng)	Hiện trạng tài sản	Phương án xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Trụ sở làm việc				
2	Đất ở (diện tích m2)				
3	xe Ôtô				
4	Trang thiết bị văn phòng				
5	Nhà công vụ				
6	Khác				